



VIMCERTS 328

**CÔNG TY TNHH NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN RDC**

Địa chỉ: Số 37 Phạm Xuân Ẩn, phường Hòa Xuân, thành phố Đà Nẵng

Hotline: 0933.630.006

Email: rdcvina@gmail.com

Web: www.rdcvina.vn

Số: 2026.0659/KQ-RDC

Ngày 25 tháng 04 năm 2026

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Theo kế hoạch lấy mẫu số: 26.03.30-14/HT-RDC

1. Tên đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH E.U.C**
2. Địa điểm lấy mẫu: **MỎ ĐÁ TAM LẬP 3 - CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG**  
Địa chỉ: Ấp 8, xã Phú Giáo, thành phố Hồ Chí Minh
3. Tình trạng mẫu: **Mẫu được bảo quản tại hiện trường**
4. Ngày lấy mẫu: **30/03/2026**
5. Ngày nhận mẫu: **01/04/2026**
6. Thời gian thử nghiệm: **31/03/2026 – 13/04/2026**
6. Kết quả thử nghiệm:
  - 6.1 Loại mẫu: **Nước thải**
  - Phương pháp lấy và bảo quản mẫu: **TCVN 5999:1995; TCVN 6663-14:2018; TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-1:2011; TCVN 8880:2011**
  - Mã số mẫu: **2603.367NT-01: Hồ thu nước khai trường  
2603.367NT-02: Cửa xả ao lắng**



Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo	Kết quả thử nghiệm		QCVN 40: 2011/BTNMT	
					2603.367 NT-01	2603.367 NT-02	Cột A	Cột B
1.	pH <sup>(1)</sup>	-	TCVN 6492:2011	2-12	8,61	8,42	6-9	5,5-9
2.	TSS <sup>(1)</sup>	mg/L	SMEWW 2540D:2023	2,8	17	4	50	100
3.	COD <sup>(1)</sup>	mg/L	SMEWW 5220.C:2023	3,3	22	21	75	150
4.	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> - N <sup>(1)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> .B&F:2023	0,043	0,31	KPH	5	10
5.	Tổng N <sup>(1)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-N.C:2023 & SMEWW 4500-NO <sub>3</sub> -.E:2023	0,1	2,24	0,9	20	40
6.	Tổng P <sup>(1)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	0,031	KPH	KPH	4	6
7.	BOD <sub>5</sub> <sup>(a)</sup>	mg/L	TCVN 6001-1:2021	1,0	12,5	6,6	30	50
8.	Coliform <sup>(a)</sup>	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	1,8	KPH	KPH	3.000	5.000

- Ghi chú:**
- <sup>(1)</sup>: Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;
  - <sup>(a)</sup>: Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ - Vimcerts 292;
  - KPH: Không phát hiện, kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo của phương pháp;
  - (-): Không quy định;
  - Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy/đo đạc;
  - Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, RDC không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
  - Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng;

**Lưu ý:** Không được sao trích một phần hoặc toàn bộ kết quả nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của RDC.

- 6.2 Loại mẫu: **Không khí**  
 Mã số mẫu: **2603.367KK-01: Khu vực moong khai thác**  
**2603.367KK-02: Khu vực sân công nghiệp**  
**2603.367KK-03: Khu vực đường vận chuyển nội mô từ moong khai thác đến sân công nghiệp**  
**2603.367KK-04: Đường vận chuyển từ bãi chế biến đến đường DH.501**

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo	Kết quả thử nghiệm				QCVN 05:2023/ BTNMT	QCVN 26:2010/ BTNMT
					2603.367 KK-01	2603.367 KK-02	2603.367 KK-03	2603.367 KK-04		
1.	CO <sup>(1)</sup>	µg/Nm <sup>3</sup>	HD-KK-CO	3.300	4.410	4.504	4.543	4.444	30.000	-
2.	SO <sub>2</sub> <sup>(1)</sup>	µg/Nm <sup>3</sup>	MASA Method 704	27,2	38,0	40,0	40,1	38,3	350	-
3.	NO <sub>2</sub> <sup>(1)</sup>	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 6137:2009	22,2	36,6	39,3	36,6	35,9	200	-
4.	Tổng bụi lơ lửng <sup>(1)</sup>	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	49	169	183	213	150	300	-
5.	Tiếng ồn <sup>(1)</sup>	dBA	TCVN 7878-2:2018	30-130	64,9	63,7	64,7	63,2	-	6h-21h: 70 21h-6h: 55

*Ghi chú:* - <sup>(1)</sup>: Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;  
 - KPH: Không phát hiện, kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo của phương pháp;  
 - (-): Không quy định;  
 - Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy/đo đạc;  
 - Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng;

PHÒNG THÍ NGHIỆM



TRẦN NGUYỄN HIẾU HIẾU

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN TRƯƠNG PHÚ



Số: 2026.0044/XTK-RDC

Ngày 08 tháng 04 năm 2026

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Theo kế hoạch lấy mẫu số: 26.03.30-14/HT-RDC

- Tên đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH E.U.C**
- Địa điểm lấy mẫu: **MỎ ĐÁ TAM LẬP 3 - CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG**  
Địa chỉ: Ấp 8, xã Phú Giáo, thành phố Hồ Chí Minh
- Tình trạng mẫu: **Mẫu được bảo quản tại hiện trường**
- Ngày lấy mẫu: **30/03/2026**
- Ngày nhận mẫu: **01/04/2026**
- Thời gian thử nghiệm: **01/04/2026 – 08/04/2026**
- Kết quả thử nghiệm:  
Loại mẫu: **Nước thải**  
Phương pháp lấy và bảo quản mẫu: **TCVN 5999:1995; TCVN 6663-14:2018; TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-1:2011; TCVN 8880:2011**  
Mã số mẫu: **2603.367NT-01: Hồ thu nước khai trường  
2603.367NT-02: Cửa xả ao lắng**

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo	Kết quả thử nghiệm		QCVN 40:2011/BTNMT	
					2603.367 NT-01	2603.367 NT-02	Cột A	Cột B
1.	Tổng dầu mỡ(*)	mg/L	SMEWW 5520B:2023	-	0,55	0,45	-	-

**Ghi chú:** - (\*): Thông số không quy định tại Thông tư quy định về kỹ thuật quan trắc môi trường và các Quy chuẩn hiện hành về môi trường do Bộ TN&MT ban hành, không chứng nhận vimecerts, kết quả chỉ mang tính chất tham khảo;  
- KPH: Không phát hiện, kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo của phương pháp;  
- (-): Không quy định;  
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy/đạc;  
- Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, RDC không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;  
- Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng;

### PHÒNG THÍ NGHIỆM



**TRẦN NGUYỄN HIẾU HIẾU**

### GIÁM ĐỐC



**NGUYỄN TRƯƠNG PHÚ**